

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 120/2025/HS-PT
Ngày: 30- 9 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Dung; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 137/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Minh A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2025/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Minh A, sinh năm: 1982 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: Số A, Khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cao M và bà Nguyễn Thị Kim C; vợ: Đoàn Thị Minh T (đã chết); có 01 người con sinh năm 2010; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số 18/2019/HS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2024); tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2025 cho đến nay, có mặt;

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thanh S1, Phạm Ngọc C1 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 27/01/2025, Nguyễn Thanh S1 ở Phòng 28 Nhà trọ P tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre đưa người bạn tên Đ (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) ra lộ phía trước Nhà trọ. Khi S1 quay về Nhà trọ, S1 phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu xám đen, Biển số 71AH - 018.83 của anh Phạm Thanh T1, sinh năm: 2001; ĐKTT: Số C, ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, dựng trước cửa Phòng trọ số 18 Nhà trọ P không người trông coi, trên xe có gắn chìa khóa khởi động nên S1 nảy sinh ý định lấy trộm xe để bán lấy tiền tiêu xài. S1 dẫn xe mô tô Biển số 71AH - 018.83 ra khỏi khu vực Nhà trọ rồi khởi động máy điều khiển xe đến cơ sở kinh doanh game bắn cá ở phường A, thành phố B tìm Phạm Ngọc C1 nhờ C1 bán xe. Khi S1 nhờ C1 bán xe, C1 hỏi: “xe này ở đâu”, S1 đáp: “xe lấy ở P”, C1 biết xe mô tô Biển số 71AH - 018.83 do S1 trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tìm người bán. Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 28/01/2025, C1 nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho tài khoản Nguyễn Lê Bảo Â rao bán xe mô tô Biển số 71AH - 018.83 với giá 4.000.000 đồng, Â biết xe do C1 trộm cắp mà có nên từ chối không mua. Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 28/01/2025, C1 gọi điện qua mạng xã hội Zalo cho tài khoản Nguyễn Minh A, A biết C1 bán xe do trộm cắp mà có nên lúc đầu từ chối không mua, sau đó, A thấy hình xe mô tô Biển số 71AH - 018.83 do C1 chụp gửi qua Z còn mới, chỉ bán với giá 4.000.000 đồng, A ham giá rẻ nên đồng ý mua. A hẹn gặp C1 ở khu vực cầu S tại Ấp B, xã S, thành phố B để mua xe. C1 điều khiển xe mô tô Biển số 71AH - 018.83 đến bán cho A. A thanh toán cho C1 2.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng An trừ vào số tiền C1 nợ A trước đó. Số tiền bán xe được, do S1 thiếu C1 2.000.000 đồng nên C1 đưa cho S1 1.000.000 đồng, C1 giữ lại 1.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Sau khi mua xe, A tháo Biển số 71AH - 018.83 quăng bỏ xuống sông C, thay vào Biển số 71B1 - 828.84 (Biển số không có hình Quốc huy theo quy định). Ngày 31/01/2025, A cho Nguyễn Bảo Â là bạn của A mượn xe mô tô gắn Biển số 71B1 - 828.84 làm phương tiện đi lại. Sau khi hành vi trộm cắp của Nguyễn Thanh S1 bị phát hiện, Công an xã P phát hiện Â đang giữ xe mô tô có gắn Biển số 71B1 - 828.84 nên mời Â làm việc, Â khai Â mượn xe mô tô này của Nguyễn Minh A và đã giao nộp xe mô tô gắn Biển số 71B1 - 828.84 cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ: Do Nguyễn Bảo Â giao nộp: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu xám đen, số khung: RLHJF6308FZ810210, số máy: JF63E1803269, có gắn Biển số 71B1 - 828.84, đã qua sử dụng. Do Nguyễn Thanh S1 giao nộp: 01 (một) quần sọt kaki màu đen có viền trắng dưới hai ống quần; 01 (một) áo thun màu đen, cổ tròn, có in hình và chữ sau lưng; 01 (một) áo khoác màu xanh dài tay có in chữ NZKYCS trước ngực trái áo; 01 (một) nón kết sọc ca rô màu đỏ - đen - trắng có chữ GUCCI trước nón.

Kết luận định giá tài sản số: 113/KL-HĐĐGTS ngày 07 tháng 02 năm 2025

của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, màu xám đen, Biển số 71AH - 018.83, số khung: RLHJF6308FZ810210, số máy: JF63E1803269, đã qua sử dụng có trị giá ngày 27/01/2025 là 9.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh S1 và Phạm Ngọc C1, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/8/2025, bị cáo Nguyễn Minh A kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do bị cáo nhận thức được sai lầm khi mua chiếc xe này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh A khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: khoảng 22 giờ 50 phút ngày 27/01/2025, Nguyễn Thanh S1 có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh

Phạm Thanh T1 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, màu xám đen, Biển số 71AH - 018.83, trị giá 9.000.000 đồng tại Phòng trọ số 18, Nhà trọ P ở ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nguyễn Minh A và Phạm Ngọc C1 tuy không hứa hẹn trước với Nguyễn Thanh S1 về việc sẽ mua xe sau khi S1 trộm được tài sản của người khác nhưng khi Nguyễn Thanh S1 đem bán xe cho A thì A và C1 biết rõ xe mô tô Biển số 71AH - 018.83 do Nguyễn Thanh S1 trộm cắp mà có nhưng C1 vẫn giúp S1 bán xe mô tô Biển số 71AH - 018.83 cho Nguyễn Minh A để hưởng lợi 1.000.000 đồng, Nguyễn Minh A đã mua xe mô tô Biển số 71AH - 018.83 do S1 trộm cắp mà có với giá 4.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Nguyễn Thanh S1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Minh A và Phạm Ngọc C1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh A yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Hành vi của bị cáo không những gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương mà còn gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh A; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh S1 và Phạm Ngọc C1; xử lý vật chứng; án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long (3b);
- VKSND khu vực 5- Vĩnh Long (2b);
- Phòng THADS khu vực 5- Vĩnh Long (1b);
- UBND phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn